Hội thảo Khoa học “Khai thác tiềm năng phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh, tạo động lực phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long”

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI QUY HOẠCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI CÁC XÃ VEN BIỂN TỈNH TRÀ VINH

*MARINE ECONOMIC DEVELOPMENT SOLUTIONS ASSOCIATED WITH NEW
RURAL CONSTRUCTION PLANNING FOR COASTAL COMMUNES
IN TRA VINH PROVINCE*

TS. Huỳnh Văn Hiệp¹, ThS. Nguyễn Thành Công², ThS. Bùi Phước Hảo³

Tóm tắt: Trong bối cảnh hiện nay, biển và đại dương đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển bền vững về kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại, hợp tác quốc tế. Thực hiện tốt việc quy hoạch không gian biển để quản lý liên ngành, liên vùng đối với các vùng biển, đảo và vùng ven biển, nhằm bảo đảm tính liên kết trong phát triển kinh tế ngay từ giai đoạn sớm của quá trình phát triển. Nghiên cứu đánh giá lại việc quy hoạch không gian biển kết hợp với việc quy hoạch xây dựng nông thôn mới (NTM) tại các xã ven biển tỉnh Trà Vinh. Nghiên cứu cho thấy việc xây dựng NTM tại các xã ven biển khó đạt được 19 tiêu chí về NTM. Cho đến nay, toàn tỉnh có 45/85 xã đạt chuẩn NTM, một huyện đạt NTM, một thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, số tiêu chí trung bình 16,4 tiêu chí/xã. Kết quả nghiên cứu này giúp các nhà quy hoạch và quản lý thực hiện tốt quy hoạch xã NTM vùng ven biển đạt được các tiêu chí sớm hơn so với mục tiêu của tỉnh đề ra.

Từ khóa: kinh tế biển, nông thôn mới, tỉnh Trà Vinh, xã ven biển

Abstract: In current context, the sea and ocean play particularly important roles in the sustainable economic development, national defense, security and foreign affairs, and international cooperation. Well-planning of sea spaces for interdisciplinary, interregional management of sea areas, islands and coastal areas aims to ensure the association of economic development in the early stage of the development process. This study reassesses the sea space planning in association with new rural (NR) construction planning at coastal communes of Tra Vinh Province. The study found that the construction of NR in the coastal communes was difficult to reach 19 criteria for NR. Up to now, Tra Vinh Province has 45/85 communes and 01 district reached the criteria of NR, 01 town completed the mission of building NR, the average number of criteria is 16.4/commune. The research results are useful for planners and managers to have well-planning for NR coastal communes for soon achieve the province's proposed criteria.

Keywords: coastal commune, marine economy, new rural, Tra Vinh Province

^{1, 2, 3} Khoa Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Trà Vinh; Email: hvhiiep@tvu.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển bền vững biển và hải đảo luôn là chính sách quan trọng hàng đầu trong chiến lược hướng ra đại dương của các quốc gia ven biển, trong đó có Việt Nam. Báo cáo về xu hướng phát triển bền vững của các đảo ven bờ và quốc đảo nhỏ ở các nước đang phát triển (2010) đã nêu bật một số lĩnh vực quan trọng, bao gồm: biến đổi khí hậu (BĐKH), quản lý tài biến thiên nhiên, thương mại và tài chính, du lịch, năng lượng, tài nguyên thiên nhiên và phát triển xã hội. Tại Việt Nam, chính sách phát triển bền vững vùng biển đảo nói chung và các đảo, huyện đảo nói riêng luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Điều đó được thể hiện trong chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam và quy hoạch phát triển kinh tế đảo đến 2020 [1].

Tỉnh Trà Vinh nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, phía Đông Nam của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), với chiều dài bờ biển là 65 km. Tỉnh Trà Vinh có năm đơn vị hành chính cấp huyện, có tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản khá lớn. Ngoài nguồn lợi thủy sản, vùng biển tỉnh Trà Vinh có nhiều tiềm năng phát triển vận tải biển để giao lưu kinh tế với các tỉnh ven biển trong nước và các quốc gia khác trong khu vực biển Đông; vùng đất động cát ven biển thích hợp để phát triển điện gió, điện mặt trời. Tỉnh Trà Vinh phấn đấu đến năm 2020 có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM); bình quân đạt 16,6 tiêu chí/xã, không còn xã dưới 14 tiêu chí. Giai đoạn 2021 – 2025 có 80% số xã đạt chuẩn NTM và bốn đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM. Giai đoạn 2026 – 2030 cơ bản hoàn thành chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM theo bộ tiêu chí hiện hành được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1443/QĐ-TTg ngày 31/10/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [2]. Để đạt được mục tiêu đó sớm hơn, tỉnh Trà Vinh cần chú trọng đến quy hoạch NTM các xã ven biển gắn với phát triển kinh tế biển là vấn đề cấp bách hiện nay.

2. SỐ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập số liệu thứ cấp

Theo Văn phòng Điều phối NTM tỉnh Trà Vinh [3], tính đến tháng 12/2019 tỉnh Trà Vinh có 45/85 xã được công nhận đạt chuẩn NTM chiếm 52,94%; tỉ lệ bình quân đạt 16,4 tiêu chí/xã; tỉnh có hai huyện/thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Nếu so với mục tiêu chung được nêu trong Quyết định 1600/QĐ-TTg [4] là số xã đạt công nhận đạt chuẩn NTM chiếm 51%, ít nhất một huyện đạt chuẩn NTM, bình quân đạt 16,6 tiêu chí/xã thì tỉnh Trà Vinh chưa hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

2.2. Thu thập số liệu sơ cấp

Theo báo cáo của Văn phòng Điều phối NTM tỉnh Trà Vinh [3], tỉnh Trà Vinh hiện có 45/85 xã NTM chiếm 52,94%. Tháng 12/2019, tỉnh Trà Vinh có năm xã thẩm định hồ sơ xét công nhận xã NTM. Hiện tại, toàn tỉnh có 50/85 xã đạt 19/19 tiêu chí NTM, 5 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí, 30 xã đạt từ 10 – 14 tiêu chí, không có xã dưới 10 tiêu chí; ở cấp huyện, Thủ tướng Chính phủ đã công nhận huyện Tiểu Cần và thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, theo kế hoạch huyện Cầu Kè sẽ đạt chuẩn NTM năm 2019 (hiện đạt 6/9 tiêu chí của huyện NTM); số tiêu chí trung bình 16,4 tiêu chí/xã. Đây

là kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, bên cạnh các thành tựu đạt được, quá trình xây dựng NTM còn bộc lộ nhiều hạn chế. Những thành tựu và hạn chế này cần tiếp tục nghiên cứu, khảo sát, đánh giá kết quả xây dựng NTM nhằm làm rõ chúng, từ đó tổng kết các chuyển biến cơ bản và những bài học của xây dựng NTM giai đoạn 2016 – 2020 từ góc nhìn khoa học; nhận diện được những vấn đề cơ bản cần tiếp tục giải quyết để hỗ trợ xây dựng NTM theo hướng bền vững trong giai đoạn sau năm 2020.

Quá trình xây dựng NTM ở tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2 năm 2016 – 2020 đã có 10 tiêu chí hoàn thành mục tiêu đề ra, 15 tiêu chí đạt tỉ lệ trên 65% số xã toàn tỉnh, 04 tiêu chí đạt tỉ lệ dưới 65% số xã toàn tỉnh. Xét về mặt lãnh thổ, huyện Tiểu Cần (100% xã), thị xã Duyên Hải (100% xã), thành phố Trà Vinh (100% xã) là đơn vị dẫn đầu về tỉ lệ số xã hoàn thành. Địa phương cần được quan tâm đầu tư, đẩy nhanh tỉ trọng các xã hoàn thành ở các huyện Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú, Càng Long.

Bảng 1: Số xã đạt chuẩn NTM tỉnh Trà Vinh [3]

STT	Đơn vị hành chính	Số xã đạt NTM		Ghi chú
		Năm 2018	Năm 2019	
1	Thành phố Trà Vinh	1	1	
2	Huyện Càng Long	6	6	
3	Huyện Cầu Kè	5	8	Đạt huyện NTM
4	Huyện Tiểu Cần	9	9	Đạt huyện NTM
5	Huyện Châu Thành	4	4	
6	Huyện Cầu Ngang	4	4	
7	Huyện Trà Cú	4	5	
8	Huyện Duyên Hải	2	3	
9	Thị xã Duyên Hải	5	5	Đạt Thị xã NTM
Tổng		40	45	
Tỉ lệ		40/85	45/85	

Ngoài ra, tại Huyện Trà Cú, các xã Ngãi Xuyên, An Quảng Hữu, Phước Hưng, Long Hiệp, Lưu Nghiệp Anh, Tân Hiệp, Định An, Hàm Giang, Hàm Tân, Kim Sơn đều đạt từ 10 đến 17 tiêu chí. Tại huyện Cầu Ngang, các xã Kim Hòa, Nhị Trường, Long Sơn, Hiệp Hòa, Mỹ Hòa, Thuận Hòa, Trường Thọ, Thạnh Hòa Sơn đều đạt từ 10 đến 13 tiêu chí. Tại huyện Duyên Hải, các xã Đôn Xuân, Đôn Châu, Ngũ Lạc đạt từ 13 đến 14 tiêu chí. Tại huyện Châu Thành, các xã Song Lộc, Đa Lộc, Mỹ Chánh, Lương Hòa, Hòa Lợi, Phước Hảo đều đạt từ 10 đến 13 tiêu chí.

2.3. Phân tích số liệu

Kết quả số liệu trên cho thấy rằng, các xã ven biển khó đạt tiêu chí về NTM như Trà Cú có 10 xã, Cầu Ngang có 08 xã, Duyên Hải có 03 xã và Châu Thành có 06 xã, trong đó, các xã chỉ đạt thấp nhất là 10 tiêu chí và cao nhất là 17 tiêu chí. Theo Bảng 1, số xã đạt chuẩn NTM tỉnh tăng rất ít và rất khó đạt theo tiêu chí NTM trong những năm tiếp theo.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả

Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016 – 2020 có 19 tiêu chí [3]. Quy hoạch xã NTM gắn với phát triển kinh tế biển cần chú trọng các tiêu chí quy hoạch, giao thông, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, thu nhập, lao động có việc làm, tổ chức sản xuất, quốc phòng và an ninh.

3.1.1. Quy hoạch

Quy hoạch và lập đồ án NTM được xác định là nội dung phải được triển khai trước một bước để định hướng cho xây dựng NTM, công tác lập, phê duyệt đồ án quy hoạch và xây dựng NTM cấp xã đã được cơ quan quản lý thực hiện. Tuy vậy, chất lượng quy hoạch ở nhiều nơi còn thấp, một số xã chỉ dừng ở quy hoạch chung, thiếu cụ thể hóa cần thiết, nhiều đồ án nặng về tính toán đầu tư xây dựng hạ tầng, chưa thực sự chú trọng đúng mức đến phát triển sản xuất, văn hóa, bảo vệ môi trường, thiếu giải pháp thực hiện, tính toán huy động nguồn lực và thiếu tính thực tiễn, không triển khai được trong thực tế. Từ năm 2018, tỉnh Trà Vinh đã chỉ đạo các xã lập đồ án điều chỉnh, rà soát quy hoạch xây dựng NTM để quy hoạch này phù hợp, triển khai được trong giai đoạn hiện tại và định hướng đến năm 2030. Trong quá trình quy hoạch các xã ven biển cần chú trọng đến quy hoạch xây dựng các cảng Trung tâm Điện lực Duyên Hải...; Khu bến cảng tổng hợp Định An, dự án Trung tâm Điện lực Duyên Hải tại Định An, các nhà máy Duyên Hải 1, Duyên Hải 2, Duyên Hải 3 và Duyên Hải 3 mở rộng. Chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản tại các huyện ven biển và dịch vụ hậu cần nghề cá; đưa vào sử dụng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa Cung Hầu và cửa Định An, góp phần đáp ứng các dịch vụ phục vụ nghề cá và giúp ngư dân tránh trú bão an tâm.

3.1.2. Giao thông

Phát triển hạ tầng giao thông nông thôn được nhận diện như là bước đột phá, đáp ứng điều kiện cấp thiết của người dân nên được chú trọng đầu tư, người dân hài lòng, đồng thuận và tự nguyện tham gia thực hiện. Sau 10 năm triển khai thực hiện chương trình xây dựng NTM, toàn tỉnh có 67/85 xã đạt tiêu chí giao thông, điều kiện về giao thông của các xã đã được tăng cường mạnh mẽ. Điển hình như huyện Cầu Kè có 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã, hiện hơn 98% đường xã, đường trung tâm xã đến huyện và 67% đường trục ấp, đường liên ấp được cứng hóa. Đầu tư hệ thống giao thông, kè bảo vệ dân sinh và sản xuất; đồng thời, tỉnh đầu tư đưa vào sử dụng luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu thông ra biển Đông.

3.1.3. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Theo báo cáo của Sở Công thương tỉnh Trà Vinh, đến hết tháng 6/2019, toàn tỉnh có 78/85 xã đạt tiêu chí. Chính vì vậy, để đạt được tiêu chí trên, các xã ven biển nên tập trung xây dựng chợ thủy sản, tổ chức thu mua cá ngư dân đánh bắt xa bờ và bán lại cho thương lái các tỉnh khác trong vùng.

3.1.4. Thu nhập

Thu nhập bình quân đầu người là một trong những thước đo về trình độ phát triển kinh tế của địa phương vùng nông thôn, đặc biệt là các xã ven biển. Vì vậy, thúc đẩy kinh tế phát triển là góp phần gia tăng thu nhập cho người dân, từ đó mới hoàn thành tiêu chí. Trong đó, các xã ven biển đẩy mạnh thực hiện các giải pháp giảm nghèo, thông qua việc tận dụng và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế vốn có của địa phương, nhất là tiềm năng kinh tế biển như nuôi trồng và khai thác hải sản, năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới, du lịch và dịch vụ biển, công nghiệp ven biển. Đầu tư phát triển các ngành như sản xuất điện năng, hóa dầu, đóng tàu cùng các ngành công nghiệp phụ trợ khác, phát triển dịch vụ logistics, du lịch gắn với kinh tế cảng, khu phi thuế quan, các khu dân cư đô thị và NTM.

3.1.5. Lao động có việc làm

Theo Niên giám Thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2018, tỉ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng lao động là 57,44%. Đến cuối năm 2019, toàn bộ các địa phương đều có xã đạt tiêu chí. Tỉnh đã xác định đây là tiêu chí then chốt, góp phần quan trọng để xây dựng và phát triển NTM bền vững. Quá trình xây dựng NTM giai đoạn 2016 – 2020 đã nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo từ 45% cuối 2015 lên 57% năm 2018. Bên cạnh các kết quả đạt được, vẫn đề tạo việc làm cho người lao động ở tỉnh Trà Vinh còn tồn tại nhiều khó khăn, hạn chế như hiệu quả đào tạo nghề, phân bổ kinh phí, một bộ phận người dân và cán bộ quản lý, chưa ý thức được tầm quan trọng của việc đào tạo nghề. Ngoài ra, chúng ta phải chú trọng đến các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển như kinh tế hàng hải, hải sản, khai thác dầu khí ngoài khơi, du lịch biển, làm muối, dịch vụ tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; các hoạt động kinh tế trực tiếp liên quan đến khai thác biển ở dải đất liền ven biển, bao gồm: đóng và sửa chữa tàu biển, công nghiệp chế biến dầu khí, công nghiệp chế biến thủy, hải sản, cung cấp dịch vụ biển, thông tin liên lạc biển, nghiên cứu khoa học – công nghệ biển, đào tạo nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển, điều tra cơ bản về tài nguyên môi trường biển; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc khai thác hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên biển.

3.1.6. Tổ chức sản xuất

Hình thức tổ chức sản xuất được xác định là một nội dung hết sức quan trọng, hỗ trợ đắc lực cho người dân phát triển sản xuất hiệu quả và bền vững nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống. Năm 2019, tỉnh có 68/85 xã đạt tiêu chí, đồng thời toàn bộ các địa phương đều có xã đạt tiêu chí. Để các xã ven biển đạt được tiêu chí này, các địa phương phải chú trọng tổ chức lại sản xuất trên biển theo hướng liên kết giữa ngư dân, tổ khai thác hải sản với các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ hậu cần, thu mua, tiêu thụ sản phẩm trên biển; xây dựng đội tàu hậu cần chuyên phục vụ cho các tàu khai thác ở vùng biển xa; xây dựng mô hình tàu vỏ thép khai thác hải sản hiện đại; từng bước chuyển đổi, cơ cấu lại các nghề khai thác thủy sản hợp lý, giảm dần sản lượng khai thác thủy sản gần bờ; khuyến khích hoạt động đánh bắt xa bờ theo hình thức tổ đội sản xuất, khai thác các đối tượng có giá trị kinh tế cao, thị trường tiêu thụ tốt; quản lý khai thác theo tuyến, khuyến khích phát triển mô hình đồng quản lý nguồn lợi ven bờ nhằm nâng cao khả năng tự phục

hồi và tính bền vững của nguồn lợi thủy sản. Tích cực vận động, khuyến khích các doanh nghiệp thu mua hải sản cá nuôi, tìm đầu ra cho sản phẩm nhằm nâng cao giá trị sản xuất nuôi trồng. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư triển khai dự án lớn về nuôi trồng thủy sản trên biển, quanh các đảo. Triển khai dự án hỗ trợ hợp tác xã nuôi trồng để nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã và các tổ hợp tác.

3.1.7. Quốc phòng và an ninh

Quan tâm xây dựng, củng cố lực lượng làm nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự khu vực nông thôn. Phát triển mạnh mẽ, vững chắc kinh tế – xã hội vùng ven biển, hải đảo, làm thí điểm phát triển toàn diện kinh tế biển. Đầu tư thích đáng cho các ngành kinh tế biển có thế mạnh, như khai thác, chế biến dầu khí, hệ thống cảng và dịch vụ vận tải biển, đánh bắt xa bờ, nuôi trồng, chế biến thủy, hải sản, du lịch biển, đảo... Xây dựng các trung tâm dịch vụ có khả năng hỗ trợ mạnh mẽ cho khai thác kinh tế biển, tập trung phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội và quốc phòng, an ninh biển. Tăng cường công tác cứu hộ, cứu nạn và bảo đảm an ninh, an toàn trên biển, đảo. Đồng thời, phối hợp với địa phương, các cơ quan liên quan, các cá nhân, tổ chức khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản tổ chức tuyên truyền, vận động ngư dân chấp hành pháp luật về biển và hiệp đồng với các lực lượng chức năng trong việc quản lý vùng biển và bảo đảm an ninh trật tự trên biển, xây dựng các khu vực phòng thủ ven biển, các huyện đảo vững chắc, đặc biệt trên hướng chủ yếu, địa bàn trọng điểm để phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng – an ninh.

3.2. Thảo luận

Qua phân tích, đánh giá thực trạng xây dựng NTM ở tỉnh Trà Vinh, trong đó các xã ven biển phù hợp với phát triển kinh tế biển để đạt tiêu chí NTM đề ra một cách sớm nhất [5], chúng ta nên thực hiện một số giải pháp cụ thể như sau:

- **Quy hoạch và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ven biển:** Để trở thành tỉnh có nền kinh tế biển phát triển nhanh và đồng bộ, công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ven biển mang ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Muốn kinh tế ven biển phát triển mạnh, bền vững, cấp ủy, chính quyền địa phương cần nghiên cứu sâu về vấn đề quy hoạch ven biển để không bị phá vỡ quy hoạch phát triển trong tương lai. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ven biển, trước hết là xây dựng hệ thống giao thông đồng bộ, phục vụ cho sự phát triển kinh tế ven biển tốt nhất. Vì vậy, cần đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng giao thông, cảng biển, điện, nước, cụm công nghiệp, khu dịch vụ hậu cần nghề cá, khu vui chơi, giải trí có ý nghĩa cực kì quan trọng.

- **Hoàn thiện đất đai:** Hoàn thiện chính sách tiếp cận đất đai theo hướng thông thoáng, thuận lợi, đảm bảo đúng quy định pháp luật nhằm thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư sản xuất, kinh doanh. Do đó, chúng ta cần thực hiện hiệu quả Luật Đất đai và có cơ chế thông thoáng cho các nhà đầu tư, kinh doanh để họ có cơ hội tiếp cận, từng địa phương, vùng miền.

- Khai thác và đánh bắt thủy sản xa bờ

+ Thông qua các chính sách phát triển thủy sản, tỉnh nên khuyến khích ngư dân đóng mới tàu cá có công suất lớn đánh bắt xa bờ; triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển thủy sản; khuyến khích hỗ trợ ngư dân đầu tư đóng mới tàu cá vỏ

thép, vỏ vật liệu mới có công suất lớn; trang thiết bị hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ.

+ Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu thuyền nghề gắn với di chuyển ngư trường và mùa vụ khai thác, nhất là các nghề chủ lực, có tiềm năng, lợi thế như nghề câu cá ngừ đại dương, câu mực, lưới vây; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào khai thác hải sản, nhất là công nghệ bảo quản sau khai thác; nhân rộng mô hình khai thác cá ngừ đại dương, xây dựng các đội tàu khai thác gắn với tàu dịch vụ hậu cần.

- Nuôi trồng thủy sản

+ Chuyển đổi một số diện tích đất nuôi trồng thủy sản nằm trong vùng quy hoạch dịch vụ hậu cần nghề cá sang mục đích khác để đầu tư phát triển có hiệu quả.

+ Áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào nuôi trồng thủy sản nước lợ, củng cố và phát huy hiệu quả mô hình tổ cộng đồng nuôi tôm ở các xã ven biển; phát triển nuôi trồng thủy sản gắn với phát triển bền vững; trồng rừng ngập mặn nhằm cải thiện môi trường sinh thái vùng nuôi tôm.

+ Tập trung chỉ đạo lịch thời vụ, kiểm dịch con giống, thuốc thú y thủy sản, quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống, thức ăn thủy sản; xử lý các hộ nuôi tôm, cá tự phát, ngoài vùng quy hoạch.

- Đầu tư khu công nghiệp, thương mại và dịch vụ ven biển

+ Thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy thu mua, chế biến cá ngừ đại dương; khuyến khích các nhà đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới thiết bị công nghệ, phát triển các cơ sở thu mua, chế biến và tiêu thụ hải sản gắn với vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; từng bước phát triển chế biến hải sản theo chiều sâu, đa dạng hoá các sản phẩm; tổ chức liên kết sản xuất hải sản từ khai thác đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm; phối hợp triển khai thành công và nhân rộng mô hình khai thác, thu mua, xuất khẩu cá ngừ đại dương theo chuỗi; xây dựng thương hiệu cá ngừ đại dương.

+ Xây dựng và đưa vào hoạt động nhà máy đóng tàu vỏ thép; ưu tiên các cơ sở đóng mới và sửa chữa tàu cá mở rộng quy mô, đầu tư đồng bộ cơ khí để đóng mới tàu cá.

+ Thực hiện đầu tư dịch vụ hậu cần nghề cá để hỗ trợ, thúc đẩy phát triển nghề khai thác hải sản xa bờ. Trong đó, tập trung đầu tư xây dựng hệ thống cảng cá, khu hậu cần nghề cá và mở rộng khu neo đậu tàu cá; khuyến khích hỗ trợ các tổ, đội khai thác hải sản xa bờ đầu tư đóng mới tàu dịch vụ hậu cần nghề cá; xây dựng thương hiệu vi cước cá, cá ngừ đại dương.

- Đào tạo nguồn nhân lực ven biển

+ Tăng cường liên kết các cơ sở đào tạo của tỉnh, các trung tâm về đào tạo nghề cho lao động ven biển. Ưu tiên đào tạo công nhân lành nghề, cán bộ có kỹ thuật cao. Mở rộng dạy nghề, truyền nghề bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ học nghề cho lao động thường xuyên trên biển như máy trưởng, thuyền trưởng, ngư dân.

+ Xây dựng chương trình và đa dạng hóa hình thức đào tạo phù hợp với từng đối tượng và định hướng phát triển kinh tế – xã hội vùng biển, ven biển, bao gồm chương trình đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ công nhân kỹ thuật, lao động quản lý, đội ngũ doanh nhân.

+ Đẩy mạnh xã hội hóa và mở rộng hợp tác quốc tế về công tác đào tạo; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức; chú trọng phát triển và có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, nhất là đối với lao động vùng nông thôn.

+ Phải có cơ chế chính sách hấp dẫn để khuyến khích đội ngũ lao động có chuyên môn, nghiệp vụ giỏi; thu hút các chuyên gia, lao động trình độ cao từ bên ngoài vào những lĩnh vực ưu tiên mà lực lượng tại chỗ còn thiếu; chú trọng việc đào tạo nâng cao dân trí, gắn với thay đổi các tập quán lạc hậu của một bộ phận dân cư vùng ven biển, bãi ngang.

- Áp dụng khoa học công nghệ

+ Tiếp cận thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến trên thế giới, nhất là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trong tương lai sẽ tác động mạnh mẽ trên lĩnh vực kinh tế biển và các lĩnh vực liên quan. Sớm ứng dụng vào sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm từ biển như: công nghệ đánh bắt, nuôi trồng và chế biến hải sản, công nghệ sinh học biển, công nghệ dược phẩm biển, công nghệ hóa học, phát triển nguồn năng lượng thủy triều và năng lượng sóng biển.

+ Ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế biển và ven biển như công nghệ cơ khí chế tạo tàu biển, công nghệ vận tải biển, xây dựng công trình trên biển, ven biển, công nghệ xử lý chất thải.

+ Tăng cường công tác nghiên cứu cơ bản, giải quyết các vấn đề mang tính công nghệ quan trọng như nghiên cứu đánh giá tiềm năng tài nguyên, dự báo các biến cố tự nhiên; nâng cao công nghệ, quan sát yếu tố tự nhiên và môi trường nhằm phục vụ hiệu quả công tác phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai. Tăng cường đào tạo, đầu tư trang thiết bị phục vụ khoa học, đổi mới công tác nghiên cứu và cơ chế quản lý khoa học.

- Cũng cố quốc phòng và an ninh các xã ven biển: Hằng năm tổ chức huấn luyện, diễn tập, nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu cho lực lượng dân quân biển; thực hiện quy chế phối hợp giữa các lực lượng công an, quân đội, biên phòng trong đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Huy động tài chính: Nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết của doanh nghiệp tham gia vào hoạt động phát triển kinh tế, vốn đầu tư phát triển kinh tế nói chung và phát triển kinh tế biển nói riêng, tỉnh Trà Vinh cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

+ Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư từ nhiều nguồn trong và ngoài nước để phát triển những ngành mũi nhọn, tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển.

+ Phát huy mọi nguồn lực như truyền thống tự lực, tự cường để huy động toàn bộ nguồn lực của người dân và địa phương; đồng thời, cần sự giúp đỡ rất quan trọng của Trung ương, của tỉnh, sự giúp đỡ của kiều bào nước ngoài, liên doanh, liên kết của các tổ

chức trong và ngoài tỉnh, với phương châm phát triển kinh tế biển và vùng ven biển. Bên cạnh đó, cần sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách tỉnh, Trung ương và viện trợ nước ngoài để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế biển, các công trình thuộc kết cấu hạ tầng lớn như cảng, đường giao thông, các khu đô thị, khu công nghiệp.

+ Nên thực hiện chính sách tập trung đầu tư đúng mức, đồng bộ và dứt điểm nhằm phát huy cao nhất năng lực và hiệu quả khai thác, đặc biệt là đối với cụm công nghiệp, cảng, hạ tầng du lịch, các cơ sở sản xuất và dịch vụ nhằm tạo sức bật nhanh cho phát triển kinh tế biển và vùng ven biển.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Mỗi giai đoạn, kinh tế biển Việt Nam trong những năm đổi mới đã có sự chuyển biến về chất và lượng. Cơ cấu ngành đã hợp lý hơn, đã xuất hiện những ngành kinh tế biển gắn với khoa học – kỹ thuật hiện đại như khai thác dầu khí, đánh bắt thủy sản xa bờ, vận tải biển, công nghiệp tàu biển, du lịch biển – đảo và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn. Bên cạnh đó, những nghề truyền thống không bị mai một mà phát triển. Việc áp dụng khoa học hiện đại đã đưa năng suất chất lượng cao, tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Ngoài ra, khai thác hải sản và du lịch, dịch vụ hậu cần nghề cá đã đưa về ngoại tệ lớn cho quốc gia.

- Trong bối cảnh chung của cả nước và tỉnh Trà Vinh, kinh tế biển của các xã ven biển chủ yếu dựa vào khai thác, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá và phát triển du lịch ven biển đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa và xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng thu nhập, nâng cao đời sống người dân. Với đặc trưng của kinh tế biển trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta cần duy trì những tiềm năng kinh tế biển một cách lâu dài và khai thác hiệu quả phục vụ cho nền kinh tế phát triển một cách bền vững. Phải hướng tới phát triển bền vững cho hôm nay và cho mai sau, không thể vì trước mắt mà chúng ta làm cạn kiệt môi trường biển, ngược lại chúng ta phải duy trì cho thế hệ mai sau.

- Để quá trình xây dựng, phát triển NTM đạt hiệu quả cao và bền vững nhất, tỉnh phải có quyết tâm, có kế hoạch cụ thể, có biện pháp thực hiện tốt, chủ động và sáng tạo, có sự tham gia đầu tư nguồn lực của Nhà nước, của doanh nghiệp thật rõ nét để tạo ra sự đột phá cho nông nghiệp nông thôn ở các xã ven biển tỉnh Trà Vinh. Đồng thời, mỗi cán bộ và người dân phải xác định xây dựng NTM là quá trình liên tục, lâu dài, có lộ trình phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương.

- Để hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM năm 2020 một cách bền vững, chúng ta cần phải dựa vào sự nỗ lực của hệ thống chính quyền địa phương, sự tham gia đầu tư nguồn lực của Nhà nước, của doanh nghiệp, cùng sự hài lòng, sự tham gia và phát huy các sáng kiến của cộng đồng cư dân nông thôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Văn Trường và cộng sự. “*Mô hình phát triển bền vững biển đảo: hiện trạng phát triển và định hướng cho các đảo ven bờ Việt Nam*”. Hội nghị Khoa học Địa lý Toàn quốc lần thứ XI. Hội Địa lý Việt Nam. 2019; 10-21.

- [2] Quyết định số 1443/QĐ-TTg ngày 31/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- [3] Niên giám Thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2018.
- [4] Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.
- [5] Nghị quyết số 44/2017/NQ-HĐND ngày 19/10/2017 của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc quy định mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ vốn thực hiện các nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.
- [6] Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.